

Số: 130/2017/QĐST-HNGĐ

Xuân trường, ngày 11 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 59/2017/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2017, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Bích H, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi ở: xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Viết G (tên gọi khác Vũ Văn G), sinh năm 1972; nơi đăng ký HKTT: xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi ở: xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N; địa chỉ: Số 2, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Lan A – Giám đốc Phòng giao dịch X, chi nhánh Ngân hàng N huyện X, tỉnh Nam Định (Theo văn bản ủy quyền số 509/QĐ – HĐTV - PC ngày 19/6/2014).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59, 60, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Bích H và anh Vũ Viết G (tên gọi khác Vũ Văn G).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về việc nuôi con chưa thành niên:*

Chị Phạm Thị Bích H trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Phương T, sinh ngày 08/4/2002;

Anh Vũ Viết G trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Tiến D, sinh ngày 02/10/2006;

Chị H và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở;

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản:

2.2.1. Anh Vũ Viết G được sở hữu, sử dụng các tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất số 215, tờ bản đồ số 15 giáp đường 50 tại xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định có diện tích 59 m² (thực tế đo đạc là 60m²) đã cấp giấy chứng nhận ngày 16/7/2015 đứng tên Vũ Văn G, Phạm Thị Bích H có trị giá 570.000.000 đồng; 01 căn nhà ba tầng cùng nhà phụ trước nhà xây dựng trên đất trị giá 801.000.000 đồng; 01 bàn thờ gỗ trị giá 11.000.000 đồng; 01 giường gỗ trị giá 10.000.000 đồng; 01 bộ dàn hát Karaoke trị giá 19.000.000 đồng; 01 Tivi 42 in trị giá 7.000.000 đồng; 01 máy điều hòa không khí trị giá 6.000.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 300.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá 600.000 đồng; 01 bình nước nóng trị giá 1.000.000 đồng; 01 quạt điện trần trị giá 500.000 đồng; 01 bộ bàn ghế ăn trị giá 1.000.000 đồng; 01 bình lọc nước trị giá 200.000 đồng; 01 bộ bình gếp ga TaKa trị giá 1.200.000 đồng và 01 camera giám sát trị giá 500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chung là 1.429.300.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng*).

Anh Vũ Văn G nhận trả nợ cho Ngân hàng N – Phòng giao dịch X, chi nhánh huyện X, tỉnh Nam Định số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2017 cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng số 3205LAV201603801 ngày 31/8/2016.

Anh Vũ Viết G nhận trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Phạm Thị Bích H là 700.000.000 đồng (*bảy trăm triệu đồng*).

Anh Vũ Viết G có trách nhiệm đăng ký quyền sử dụng đất được giao sử dụng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai.

2.2.1. Chị Phạm Thị Bích H được nhận thanh toán chênh lệch tài sản do anh Vũ Viết G trả là 700.000.000 đồng (*bảy trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí:

Chị Phạm Thị Bích H nhận nộp án phí ly hôn là 150.000 đồng và án phí chia tài sản là 14.293.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 09307 ngày 12/4/2017 và 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000573 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân

Trường; chị Phạm Thị Bích H được nhận lại 6.857.000 đồng (*sáu triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Anh Vũ Viết G nhận nộp án phí chia tài sản là 14.293.000 đồng (*mười bốn triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Phạm Trung Kiên